

Về thực tập sư phạm của sinh viên hệ sư phạm Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Thị Thu Hằng¹, Đỗ Thị Phương Thuý¹, Nguyễn Thị Phương Hoa^{2,*}

¹*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Anh - Mỹ, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

²*Bộ môn Tâm lý Giáo dục, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 21 tháng 10 năm 2008

Tóm tắt. Thực tập sư phạm (TTSP) là khâu thực tập nghề rất quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên. Báo cáo khoa học đã đi sâu khảo sát, phân tích khá toàn diện thực trạng TTSP của sinh viên Sư phạm Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), từ thực trạng thực tập giảng dạy, thực tập công tác chủ nhiệm lớp đến những thuận lợi, khó khăn sinh viên gặp phải trong quá trình thực tập sư phạm TTSP làm ảnh hưởng đến sự thay đổi thái độ của họ đối với nghề sư phạm. Báo cáo cũng đã đưa ra một số những khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng TTSP cho sinh viên Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

1. Vị trí, vai trò của thực tập sư phạm trong quá trình đào tạo người giáo viên

Cũng như sinh viên (SV) của bất cứ các trường đào tạo nghề nào khác, SV các trường sư phạm (SP) cũng phải trải qua một khâu tất yếu trong quá trình học tập của mình, khâu THỰC TẬP NGHỀ, mà trong Trường Sư phạm gọi là TTSP.

“TTSP là điều kiện cần thiết để hình thành khuynh hướng nghề nghiệp sư phạm, hình thành nhân cách của người giáo viên tương lai, đó cũng là điều kiện để giúp trường SP có khả năng kiểm tra mức độ khuynh hướng nghề nghiệp của SV” [1].

Theo Nguyễn Đình Chinh, TTSP có các chức năng cơ bản như: chức năng học tập, chức

năng giáo dục, chức năng phát triển giáo dục, chức năng thăm dò, chẩn đoán [2].

TTSP là hoạt động giúp cho SV làm quen với nghề SP. Thông qua TTSP, các nội dung chuyên môn, nghiệp vụ mà SV đã tiếp thu được đem thử nghiệm vào thực tiễn giảng dạy và giáo dục. Vì thế, TTSP được coi là khâu chuyển giao giữa lý luận và thực tiễn, giữa những kiến thức học tập trong nhà trường và công việc thực tế mà SV sẽ làm sau này.

TTSP không chỉ phản ánh chất lượng đào tạo mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên (GV) của trường SP. TTSP giúp cho các trường SP có được những đánh giá tương đối khách quan về sản phẩm đào tạo của mình, nhờ đó có cơ sở để nâng cao chất lượng đào tạo, điều chỉnh nội dung, phương pháp đào tạo sao cho phù hợp với nhu cầu mà các trường phổ thông đặt ra.

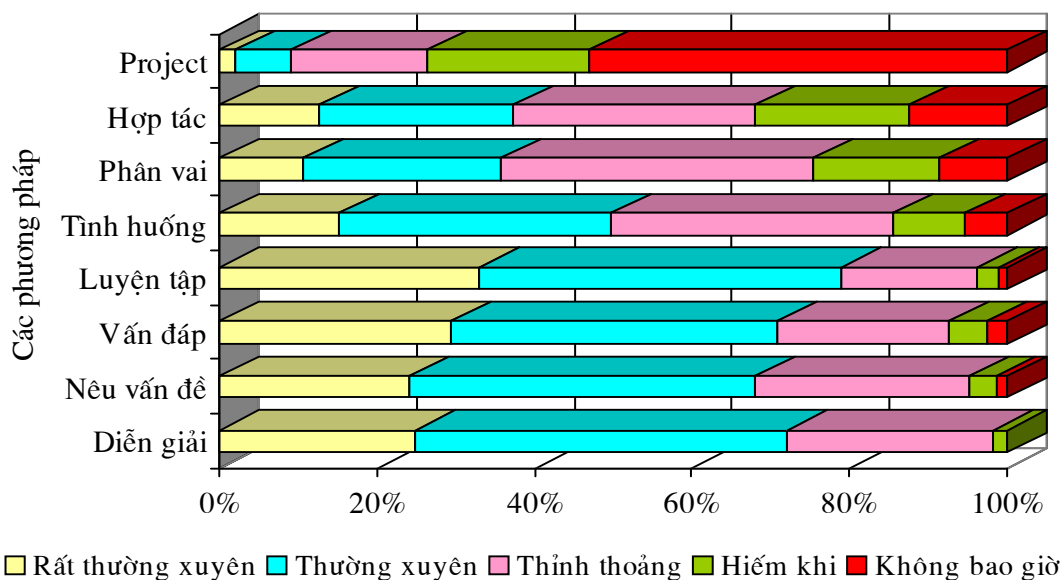
* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-4-37562716.
E-mail: hathuphan@hn.vnn.vn

Thông qua TTSP, SV có dịp nhìn nhận, đánh giá lại những kiến thức, kỹ năng mà mình đã học được, trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện trình độ, năng lực cũng như là nhân cách của một người GV. Thời điểm TTSP cũng là thời điểm SV hình thành rõ nhất tình cảm và thái độ đối với nghề giáo. Nếu được thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả, TTSP sẽ có tác dụng rất lớn không chỉ trên phương diện chuyên môn nghiệp vụ mà còn giúp xây đắp, phát triển tình cảm nghề nghiệp cho SV, làm họ thêm yêu nghề. Ngược lại, nếu được thực hiện đại khái, qua loa, nó sẽ có tác dụng tiêu cực trở lại đối với việc hình thành phát triển chuyên môn nghiệp vụ cũng như tình cảm, thái độ nghề nghiệp.

2. Thực trạng thực tập giảng dạy của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 300 SV ngành sư phạm ngoại ngữ (SPNN), trong đó có 180 SV Khoa Anh, 40 SV Khoa Pháp, 40 SV Khoa Nga và 40 SV Khoa Trung. Thực tập (TT) giảng dạy bao gồm nhiều nội dung, từ dự giờ giáo viên phổ thông (GVPT), soạn giáo án, chuẩn bị phương tiện và đồ dùng dạy học, tập giảng, đến lên lớp và sau đó là rút kinh nghiệm, đánh giá. Dưới đây chúng tôi đi sâu phân tích thực trạng lựa chọn và sử dụng các phương pháp và phương tiện dạy học.

2.1. Thực trạng lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH)

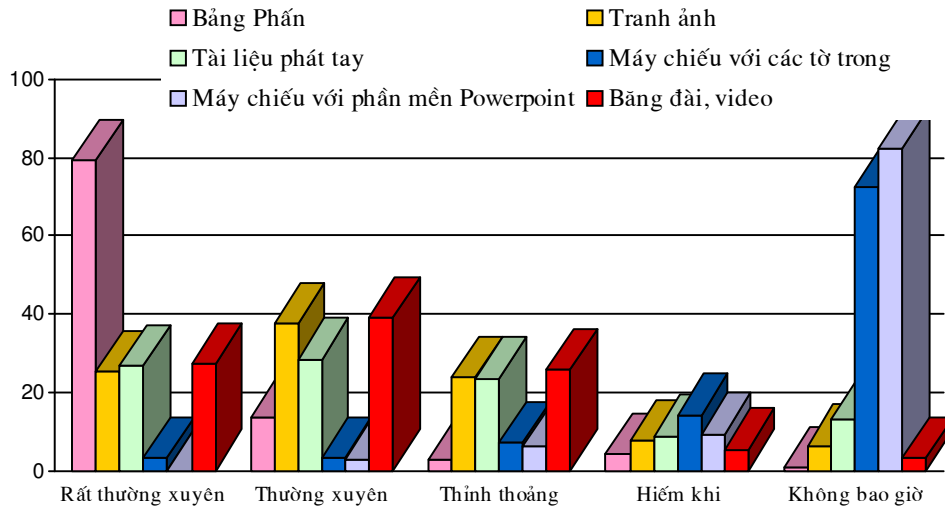


Biểu đồ 1. Mức độ sử dụng các phương pháp dạy học.

Biểu đồ trên cho thấy SV trong thực tập giảng dạy đã *thường xuyên* áp dụng một số PPDH tích cực như phương pháp (PP) *luyện tập* và *vấn đáp* (có đến 70,87% SV “*rất thường xuyên*” và “*thường xuyên*” áp dụng), *PP nêu vấn đề* (67,94%), và *PP tình huống* (49,65%). Tuy nhiên, còn một số các PPDH hiệu quả khác còn ít được SV áp dụng, ví dụ

như *PP phân vai*, *PP hợp tác*, và đặc biệt là *PP Project* (đứng đầu với tỷ lệ 52,96% SV “*không bao giờ*” sử dụng). Việc hạn chế áp dụng các PP này trong TT của SV hoàn toàn có thể hiểu được. Đó có thể bởi vì một tiết học có sử dụng các PP này đòi hỏi rất nhiều thời gian chuẩn bị của cả GV và học sinh (HS).

2.2. Thực trạng sử dụng các phương tiện dạy học (PTDH)



Biểu đồ 2. Mức độ sử dụng các phương tiện.

Biểu đồ trên thể hiện mức độ sử dụng các phương tiện trong dạy học. Với từng mức độ ta có thể thấy tương quan giữa các phương tiện. Cột cao nhất trong mức “*rất thường xuyên*” và “*thường xuyên*” là *bảng phấn* với 92,64% tổng số SV sử dụng, sau đó là *băng đài, video*, *tài liệu phát tay*, và *tranh ảnh* với thứ tự mức độ đánh giá lần lượt là 66,05%; 54,83% và 62,55%. *Băng đài, video* là các phương tiện rất cần thiết trong việc học cũng như giảng dạy ngoại ngữ và cũng rất dễ tìm, dễ sử dụng nên tỷ lệ SV thường xuyên sử dụng như vậy là khá thấp. *Máy chiếu với các tờ trong* chỉ có 3,1% SV chọn và tuyệt đối không một SV nào lựa chọn *máy chiếu với phần mềm Powerpoint*. Điều này thực ra cũng dễ hiểu bởi máy chiếu là phương tiện đắt tiền, không phải trường phổ thông nào cũng có hoặc nếu có cũng không để SV sử dụng đại trà trong thực tập.

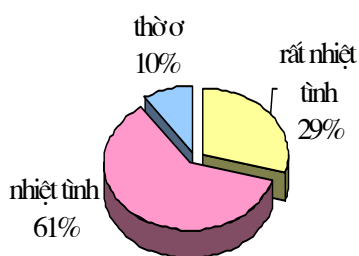
3. Thực trạng thực tập chủ nhiệm

Bên cạnh TT dạy học, TT chủ nhiệm là một phần không kém phần quan trọng trong quá

trình TTSP. Theo Nguyễn Đình Chinh, “TT chủ nhiệm là TT quá trình giáo dục học sinh, tổ chức và lãnh đạo các loại hình hoạt động phong phú của các em, tổ chức và lãnh đạo các mối quan hệ nhiều mặt giữa các em với thế giới xung quanh, tổ chức và lãnh đạo các dạng giao tiếp đa dạng giữa các em với nhau và giữa các em với những người lớn tuổi khác”. (Sđd, tr. 51).

Trong quá trình TT chủ nhiệm, các giáo viên phụ trách một lớp học với tư cách là một GV chủ nhiệm, có trách nhiệm quán xuyến từ quá trình học tập đến mọi hoạt động khác của lớp chủ nhiệm như theo dõi nội quy, nề nếp kỷ luật lớp học, tổ chức các phong trào thi đua, các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ...

Có thể nói, trong quá trình TT chủ nhiệm SV đã tạo được sự gắn gũi, tin tưởng ở HS (71% SV cho rằng HS đã tin tưởng họ ở mức nhiều và rất nhiều) nên đã thu hút được đại đa số HS tham gia tích cực vào các hoạt động tập thể trong quá trình TT chủ nhiệm.



Biểu đồ 3. Thái độ của HS khi tham gia các hoạt động.

29% SV được hỏi trả lời HS của họ tham gia *rất tích cực* vào các hoạt động do họ tổ chức, và 61% nhận được sự hưởng ứng *nhiệt tình* từ HS. Tuy vẫn còn 10% giáo sinh nhận được thái độ *thờ ơ* từ học sinh, nhưng 90% là một con số hết sức thuyết phục cho thấy sự thành công bước đầu của những thầy cô giáo trẻ.

Nhiều SV khi được hỏi đã cho biết nhiều HS lúc đầu không mấy nhiệt tình với các hoạt động nhưng càng về sau càng nhiệt tình hơn.

4. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực tập sư phạm

4.1. Các thuận lợi

Trong quá trình TTSP, SV cũng có được một số thuận lợi nhất định. Những thuận lợi đó có thể là thuận lợi *chủ quan* hoặc do *khách quan* đem lại, chẳng hạn như trang bị đầy đủ các kiến thức và kỹ năng dạy học, giáo dục (KT, KN); sự hướng dẫn và ủng hộ nhiệt tình của GVPT; sự hướng dẫn và ủng hộ nhiệt tình của GV Trường ĐHNN, ĐHQGHN; sự ủng hộ của HS; và sự tạo điều kiện của Ban chỉ đạo thực tập (BCĐTT) ở trường phổ thông,...

Sự ủng hộ nhiệt tình của HS luôn là một nguồn động viên to lớn, góp phần tạo nên nhiệt huyết với nghề ở người GV. 76,5% số SV được hỏi cho rằng sự ủng hộ của HS đã tạo thuận lợi ở mức *rất nhiều* và *nhiều* cho họ trong quá trình TTSP, không SV nào phủ nhận sự giúp đỡ họ nhận được từ sự ủng hộ nhiệt tình của HS.

Một thuận lợi lớn nữa đối với các giáo sinh TT là sự hướng dẫn và ủng hộ nhiệt tình của giáo viên phổ thông. Có 55,87% SV chọn mức *rất nhiều* và *nhiều*. Sự trang bị đầy đủ các KT và KN dạy học cũng được xem là một thuận lợi lớn khác với SV, và cũng chiếm đến 54,90%.

Sự hướng dẫn và ủng hộ của GV Trường ĐHNN, ĐHQGHN và sự tạo điều kiện của BCĐTT ở trường phổ thông cũng có đóng góp không nhỏ trong quá trình TT của SV.

Một điều cần đặc biệt lưu ý là đánh giá khá cao của SV về vai trò của các môn *Giáo học pháp ngôn ngữ (NN)*, *Tâm lý học* và *Giáo dục học* trong quá trình TTSP. Cụ thể, có đến 39,65% SV cho rằng môn *Giáo học pháp NN* đã giúp đỡ họ "*rất nhiều*", và "*nhiều*". Kết quả này khá tương đồng ở các môn *Giáo dục học* (43,41%) và *Tâm lý học* (42,21%). Ý kiến đánh giá như vậy cho thấy sự thiết thực của các kiến thức trong các môn học này. Tỷ lệ số SV cho các môn học này hoàn toàn không có ích gì hầu như không đáng kể (tỷ lệ lần lượt là 2,8%, 3,82% và 2,59%)

Tuy nhiên, bên cạnh các yếu tố thuận lợi không thể không kể đến những khó khăn mà SV gặp phải trong quá trình TTSP.

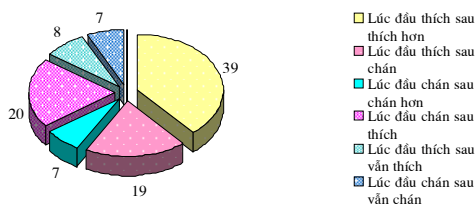
4.2. Các khó khăn

Có một số khó khăn chủ quan SV gặp phải trong quá trình TTSP. Soạn giáo án có thể coi là một kỹ năng mới đối với SV vì họ có ít cơ hội được thử sức với việc này tại trường đại học. 18,66% SV được hỏi cho rằng *thiếu kỹ năng soạn giáo án* là yếu tố gây khó khăn ở mức *rất nhiều* và *nhiều* cho họ trong quá trình TT giảng dạy. Tuy không nhiều, nhưng *lúng túng trong việc lựa chọn PPDH* và *chưa thật sự thuyết phục HS trong quá trình dạy học* cũng gây trở ngại *nhiều* đối với 23,74% SV. Bên cạnh đó, *KN trình bày bảng* cũng là một vấn đề lớn với 15,38% SV. Ngoài ra, còn một số các khó khăn khác cũng có ảnh hưởng nhất định, tuy không nhiều, đến quá trình TT của SV, ví dụ *chưa làm chủ các tình huống dạy học*, *ngôn ngữ diễn đạt chưa lưu loát*, *chưa tự tin trước HS*.

Bên cạnh đó cũng còn có một vài các khó khăn khách quan, chẳng hạn như có đến 31% SV cho rằng thái độ không yêu môn học của HS gây nhiều khó khăn cho họ trong khi lên lớp (28% SV chọn mức độ vừa phải). *Hạn chế về năng lực học ngoại ngữ của HS* cũng có tác động đáng kể đến giáo sinh thực tập (38% ý kiến SV). Ngoài ra, kết quả khảo sát còn cho thấy *sự thiếu nhiệt tình của một số ít GV*, đồng thời *sự khác biệt trong PP giảng dạy* giữa giáo sinh và GV hướng dẫn đôi khi cũng gây trở ngại không nhỏ cho giáo sinh thực tập.

Ba biểu đồ trên thể hiện sự đánh giá khá cao của SV về vai trò của các môn *Giáo học pháp NN, Tâm lý học và Giáo dục học* trong quá trình TT tại nhà trường phổ thông. Cụ thể, có đến 39,65% SV cho rằng môn *Giáo học pháp NN* đã giúp đỡ họ “*rất nhiều*”, và “*nhiều*”. Kết quả này khá tương đồng ở môn *Giáo dục học* (43,41%) và *Tâm lý học* (42,21%). Sự đánh giá như vậy cho thấy sự thiết thực của các kiến thức trong các môn học này. Tỷ lệ số SV cho các môn học này hoàn toàn không có ích gì hầu như không đáng kể (tỷ lệ lần lượt là 2,8%, 3,82% và 2,59%).

5. Thái độ của sinh viên với nghề sư phạm sau đợt thực tập



Biểu đồ 17: Thái độ của sinh viên với nghề SP

Biểu đồ 4. Thái độ của SV với nghề SP.

Sau quá trình TTSP, thái độ của SV có sự thay đổi theo hai hướng: tích cực (lúc đầu thích sau thích hơn, lúc đầu chán sau thích, và lúc đầu thích sau vẫn thích) và tiêu cực (lúc đầu chán sau chán hơn, lúc đầu thích sau chán, và lúc đầu chán, sau vẫn chán).

Nhìn tổng thể, hướng tích cực chiếm ưu thế hơn hẳn hướng tiêu cực. Số SV có thái độ theo hướng tích cực lên tới 67%, trong khi 33% SV có thái độ theo hướng tiêu cực. Như vậy, có đến 1/3 số SV SP Ngoại ngữ chán nghề SP. Có thể nói đây là dấu hiệu cũng đáng lo ngại về một lớp giáo viên ngoại ngữ (GVNN) trong tương lai.

6. Một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng thực tập sư phạm cho sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Việc tổ chức TTSP của Trường ĐHNN, ĐHQGHN được SV đánh giá khá cao. Nhìn chung, SV cho rằng TTSP rất hữu ích cho họ trong việc hình thành nên những kỹ năng cần thiết trong dạy học và giáo dục và khá nhiều SV có thái độ tích cực hơn đối với nghề giáo sau đợt thực tập sư phạm. Tuy nhiên, ngay trong bản thân việc thực tập vẫn còn tồn tại một số điểm đáng lưu ý, vì thế chúng tôi có nêu ra dưới đây một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng TTSP cho SV Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

- Tạo điều kiện cho sinh viên làm quen với nội dung chương trình giảng dạy môn ngoại ngữ ở phổ thông ngay từ trong trường SP bằng cách lồng ghép nội dung giảng dạy này vào bộ môn giáo học pháp, cho SV thực hành ngay giảng dạy chính các bài trong sách giáo khoa phổ thông (còn gọi là micro-teaching) cho các bạn trong lớp học của mình. Việc thực hành này nên được thực hiện từ rất sớm khi sinh viên còn học năm thứ hai, thứ ba và kéo dài cho đến khi sinh viên đi thực tập.

- Tăng thời gian TTSP cho SV và tổ chức thực hành thường xuyên từ năm thứ nhất (hoặc thứ hai). Thực tập một lần với thời gian 6 tuần như hiện nay chưa đủ để SV có thể nhuần nhuyễn được các kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho công tác dạy học và giáo dục của họ sau này. Việc TTSP chỉ đem lại kết quả tốt nhất khi nó được tiến hành một cách liên tục, thống nhất từ năm này sang năm khác.

- Tổ chức các hội thi nghiệp vụ sư phạm.

- Ký hợp đồng với các sở Giáo dục và Đào tạo, các trường phổ thông trung học để nâng cao trách nhiệm của các trường có SV đến TTSP.

- Nhà trường nên tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của ban chỉ đạo nhằm hạn chế những tiêu cực có thể xảy ra trong công tác TTSP.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 10/4/1986, *Quy chế thực tập sư phạm* (Điều 1).
- [2] Nguyễn Đình Chính, *Thực tập sư phạm*, NXB Giáo dục, 1991.

About teaching practice of the College of Foreign Languages students, Vietnam National University, Hanoi

Nguyen Thi Thu Hang¹, Do Thi Phuong Thuy¹, Nguyen Thi Phuong Hoa²

¹*Department of English - American Language and Culture, College of Foreign Languages, Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*Division of Educational Psychology, College of Foreign Languages, Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Internship is a very important part of teacher training. The report examines and analyses in details the way in which students at the College of Foreign Language, VNU Hanoi carry out their internship in teaching and fulfilling the obligations of a form teacher. The report also examines the pros and cons of internship that impact students' views on the profession. Lastly, the report states several proposals to improve the quality of internship for students at the College of Foreign Language, VNU Hanoi.